

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI**  
**XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 43
8. Phụ lục	44 - 47

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10 theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 111 – 121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-8) 3 8 348 984
- Fax : (84-8) 3 9 273 347

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vải giả da, nylon phủ nhựa, màng PVC dạng cuộn;
- Bán buôn cao su;
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Quảng cáo;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, điện tử, xe gắn máy, nguyên nhiên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phân bón, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, mỹ phẩm;
- Dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu các mặt hàng Nhà nước cho phép;
- Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh tại trụ sở), kinh doanh vàng, bạc, salon auto;
- Mua bán, đại lý, ký gửi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm;
- Mua bán hàng điện gia dụng, hạt nhựa, vật tư ngành ảnh, văn phòng phẩm, đồ điện gia dụng, giày da, túi xách, đồng hồ, mắt kính, cơ điện lạnh, máy giặt, xe gắn máy và phụ tùng, xe đạp, quần áo, bia nước giải khát (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống);
- Đại lý ký gửi hàng hóa.
- Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở);
- Cho thuê xe du lịch;
- Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán xe ô tô;
- Mua bán gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lẻ hành nội địa;
- Kinh doanh bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hiệp	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2002
Ông Nguyễn Quang Hòa	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2008
Ông Hồ Thái Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2007
Ông Ngô Hữu Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2006

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Quang Diệu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2008
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2008
Bà Phạm Thị Đăng Thơ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Hữu Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013
Ông Vương Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Hữu Hoàn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2014).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Văn phòng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.







**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0731/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 22 tháng 7 năm 2015, từ trang 06 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Văn phòng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Dạng đầy đủ)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối kỳ	đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>709.640.640.798</b>	<b>826.366.821.982</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.193.897.358</b>	<b>56.852.241.536</b>
1. Tiền	111		26.023.897.358	47.085.694.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.170.000.000	9.766.546.988
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>148.563.401.571</b>	<b>220.823.997.688</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	115.342.081.362	130.178.534.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	19.194.991.228	46.440.199.833
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	11.309.453.304
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	15.660.160.730	34.543.621.333
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.633.831.749)	(1.647.811.749)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>525.614.921.372</b>	<b>537.185.248.231</b>
1. Hàng tồn kho	141		526.630.432.175	537.660.776.070
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.015.510.803)	(475.527.839)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.268.420.497</b>	<b>11.505.334.527</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.500.031	44.803.982
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.196.452.128	11.460.530.545
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	53.468.338	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>287.697.996.267</b>	<b>250.279.554.960</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>96.805.000.000</b>	<b>90.025.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	96.805.000.000	90.025.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.903.710.734</b>	<b>73.271.545.094</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	26.573.763.239	47.908.597.598
- Nguyên giá	222		41.648.261.426	61.244.619.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.074.498.187)	(13.336.022.064)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	25.329.947.495	25.362.947.496
- Nguyên giá	228		25.486.147.500	25.486.147.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(156.200.005)	(123.200.004)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.9</b>	<b>96.415.557.829</b>	<b>84.340.000.525</b>
- Nguyên giá	231		107.054.750.832	91.449.218.420
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.639.193.003)	(7.109.217.895)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42.400.000.000</b>	<b>2.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	2.400.000.000	2.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	40.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>173.727.704</b>	<b>243.009.341</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		173.727.704	243.009.341
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>997.338.637.065</b>	<b>1.076.646.376.942</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>712.994.570.830</b>	<b>797.154.222.786</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>633.604.820.830</b>	<b>726.325.762.786</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	11.799.868.583	86.243.930.884
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	17.390.813.811	16.017.101.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.170.035.163	2.675.910.965
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.519.210.041	6.975.954.716
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.414.444.307	30.451.650.137
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	286.650.000	335.486.800
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	590.309.773.864	581.122.787.758
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.714.025.061	2.502.940.526
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>79.389.750.000</b>	<b>70.828.460.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16a	42.889.750.000	42.864.910.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	36.500.000.000	27.963.550.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>284.344.066.235</b>	<b>279.492.154.156</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>284.344.066.235</b>	<b>279.492.154.156</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	55.186.113.637	55.186.113.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19	(2.821.300)	(2.821.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	78.023.603.117	74.196.407.391
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	71.137.170.781	70.112.454.428
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		48.236.776.670	70.112.454.428
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		22.900.394.111	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>997.338.637.065</b>	<b>1.076.646.376.942</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015



Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



  
Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	982.959.653.610	697.557.890.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		982.959.653.610	697.557.890.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	913.295.917.300	646.476.048.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.663.736.310	51.081.841.960
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.543.431.193	3.111.175.842
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.116.628.532	17.444.131.606
Trong đó: chi phí lãi vay	23		22.897.584.742	17.134.182.375
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.936.578.459	9.164.414.378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.252.126.864	7.423.919.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.901.833.648	20.160.552.724
11. Thu nhập khác	31		6.478.912	349.751.466
12. Chi phí khác	32		248.402.982	1.554.199
13. Lợi nhuận khác	40		(241.924.070)	348.197.267
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.659.909.578	20.508.749.991
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	6.459.085.518	4.130.014.913
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	214.708.209
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.200.824.060</u>	<u>16.164.026.869</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	-	-



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

*Nguyễn Thị Thu Hiền*

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

*Hà Hạnh Hoa*

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



*Ngô Hữu Hoàn*

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Dạng đầy đủ)**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.659.909.578	20.508.749.991
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8, 9	5.301.451.232	3.017.061.744
- Các khoản dự phòng	03	V.5, 6	526.002.964	(713.027.911)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(632.393)	273.887.291
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(4.320.746.025)	(3.130.505.864)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	22.897.584.742	17.134.182.375
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55.063.570.098	37.090.347.626
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		68.396.781.804	(9.810.842.811)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.030.343.895	(68.164.367.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(100.264.462.275)	9.468.239.101
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		95.585.588	66.506.742
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.15; VI.5	(23.029.939.962)	(17.182.486.032)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6.165.614.796)	(4.956.005.858)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.960.000	57.683.790.025
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.833.647.054)	(42.357.656.312)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.296.577.298</b>	<b>(38.162.474.746)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(12.916.601.499)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	73.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.10	(40.000.000.000)	(68.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	21.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	4.320.746.025	4.935.499.333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(35.679.253.975)</b>	<b>(54.907.465.802)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17a,b	995.006.050.469	716.483.851.275
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(977.282.614.363)	(612.200.063.604)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(7.999.736.000)	(7.999.749.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>9.723.700.106</i></u>	<u><i>96.284.038.671</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(24.658.976.571)	3.214.098.123
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	56.852.241.536	30.284.811.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		632.393	407.415
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u><b>32.193.897.358</b></u>	<u><b>33.499.316.675</b></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Văn phòng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Văn phòng Công ty”) kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính Văn phòng Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

***Công ty con***

Văn phòng Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam có trụ sở chính tại 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

***Công ty liên kết***

Văn phòng Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Khải Huy Quân có trụ sở chính tại 271/7B An Dương Vương, phường 3, quận 5, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là xây dựng chuyên dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Văn phòng Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam – Trung tâm kinh doanh sắt thép, địa chỉ tại 56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty sẽ chấm dứt hoạt động của Trung tâm kinh doanh sắt thép này từ ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Văn phòng Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 56 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Văn phòng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Văn phòng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Văn phòng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng cho các khoản tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau: -

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Văn phòng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

3300  
CÓ  
CH NH  
M TOÁ  
A  
NH-T

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Văn phòng Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	05

**10. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 25 năm.

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Văn phòng Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Văn phòng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Văn phòng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

## **12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Văn phòng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **13. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Văn phòng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

## **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Văn phòng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**22. Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Văn phòng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Văn phòng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Văn phòng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Văn phòng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.123.833.988	356.421.594
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.900.063.370	46.729.272.954
Các khoản tương đương tiền	6.170.000.000	9.766.546.988
<b>Cộng</b>	<b><u>32.193.897.358</u></b>	<b><u>56.852.241.536</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	22.072.654.900
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	-	22.072.654.900
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>115.342.081.362</b>	<b>108.105.880.067</b>
Công ty cổ phần tập đoàn thép Nguyễn Minh	94.579.499.245	31.877.085.220
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	-	67.950.624.751
Các khách hàng khác	20.762.582.117	8.278.170.096
<b>Cộng</b>	<b><u>115.342.081.362</u></b>	<b><u>130.178.534.967</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Steelco Pacific Trading, Ltd.	-	22.505.083.164
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	15.048.100.000	18.048.100.000
Alba Exports, Ltd.	1.787.154.199	1.999.999.639
Các khách hàng khác	2.359.737.029	3.887.017.030
<b>Cộng</b>	<b><u>19.194.991.228</u></b>	<b><u>46.440.199.833</u></b>

**4. Phải thu khác**

**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	2.865.439.830	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam - Phải thu về lãi chậm thanh toán	-	-	250.058.971	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam - Khoản lãi góp vốn phải thu	-	-	2.615.380.859	-
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	<b>15.660.160.730</b>	-	<b>31.678.181.503</b>	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	15.000.000.000	-	30.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	660.160.730	-	1.078.181.503	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.660.160.730</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>34.543.621.333</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>6.800.000.000</b>	-	-	-
Công ty cổ phần Khải Huy Quân				
- Phải thu hoạt động đầu tư	6.800.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức khác</b>	<b>90.005.000.000</b>	-	<b>90.025.000.000</b>	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	25.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>96.805.000.000</b>	-	<b>90.025.000.000</b>	-

**5. Nợ xấu**

Văn phòng Công ty có khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam về tiền hàng với số tiền 1.633.831.749 VND đã quá hạn trên 3 năm. Hiện tại, Thi hành án quận Nam Từ Liêm đang thu hồi khoản nợ này cho Công ty.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(1.647.811.749)	(1.469.882.224)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(177.929.525)
Hoàn nhập dự phòng	13.980.000	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.633.831.749)</b>	<b>(1.647.811.749)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	9.988.567.938	-	53.421.145.028	-
Nguyên liệu, vật liệu	205.060.309.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	146.274.628.575	-
Hàng hóa	311.581.555.237	(1.015.510.803)	337.965.002.467	(475.527.839)
<b>Cộng</b>	<b>526.630.432.175</b>	<b>(1.015.510.803)</b>	<b>537.660.776.070</b>	<b>(475.527.839)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá cho hàng hóa tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(475.527.839)	(890.957.436)
Trích lập dự phòng bổ sung	(539.982.964)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	415.429.597
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(1.015.510.803)</b>	<b>(475.527.839)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	14.119.124.751	40.434.864.669	6.604.786.992	55.778.000	30.065.250	61.244.619.662
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(19.368.445.612)	-	-	-	(19.368.445.612)
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	-	(227.912.624)	-	-	-	(227.912.624)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.119.124.751</b>	<b>20.838.506.433</b>	<b>6.604.786.992</b>	<b>55.778.000</b>	<b>30.065.250</b>	<b>41.648.261.426</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.152.429.369	286.380.952	419.484.429	55.778.000	30.065.250	1.944.138.000
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	4.535.616.053	6.083.976.999	2.633.091.172	55.778.000	27.559.840	13.336.022.064
Khấu hao trong kỳ	546.195.355	2.516.449.141	474.693.305	-	2.505.410	3.539.843.211
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(1.801.367.088)	-	-	-	(1.801.367.088)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.081.811.408</b>	<b>6.799.059.052</b>	<b>3.107.784.477</b>	<b>55.778.000</b>	<b>30.065.250</b>	<b>15.074.498.187</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	9.583.508.698	34.350.887.670	3.971.695.820	-	2.505.410	47.908.597.598
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.037.313.343</b>	<b>14.039.447.381</b>	<b>3.497.002.515</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.573.763.239</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một phần Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh.

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	25.255.147.500	231.000.000	25.486.147.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.255.147.500</b>	<b>231.000.000</b>	<b>25.486.147.500</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	123.200.004	123.200.004
Khấu hao trong kỳ	-	33.000.001	33.000.001
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>156.200.005</b>	<b>156.200.005</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	25.255.147.500	107.799.996	25.362.947.496
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.255.147.500</b>	<b>74.799.995</b>	<b>25.329.947.495</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

**9. Bất động sản đầu tư**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	91.449.218.420
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	19.368.445.612
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	(3.762.913.200)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>107.054.750.832</b>
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	1.089.974.794
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	7.109.217.895
Khấu hao trong kỳ	1.728.608.020
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.801.367.088
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.639.193.003</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	84.340.000.525
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>96.415.557.829</b>

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Văn phòng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà số 451-453 Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	319.466.405	303.639.908	15.826.497
Nhà số 01-03 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	225.346.533	132.578.859	92.767.674
Nhà số 355-365 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	1.381.306.741	627.244.841	754.061.900
Tòa nhà cao ốc 277B Cách Mạng Tháng 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	80.124.070.289	3.574.006.666	76.550.063.623

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Nhà số 192-198 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	2.150.733.750	1.570.570.828	580.162.922
Nhà số 07-09 Lý Thái Tổ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	59.117.794	59.117.794	-
Tòa nhà cao ốc văn phòng 111-121 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	22.794.709.320	4.372.034.107	18.422.675.213
<b>Cộng</b>	<b>107.054.750.832</b>	<b>10.639.193.003</b>	<b>96.415.557.829</b>

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	16.664.882.065	8.097.093.617
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	5.270.145.793	2.133.651.636
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1.403.636.191	1.700.309.627

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.926.119.679 VND và 862.656.071 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Văn phòng Công ty như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>2.400.000.000</b>	-	-	<b>2.400.000.000</b>	-	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam <sup>(i)</sup>	2.400.000.000	-	-	2.400.000.000	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>40.000.000.000</b>	-	-	-	-	-
Công ty cổ phần Khải Huy Quân <sup>(ii)</sup>	40.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>42.400.000.000</b>	-	-	<b>2.400.000.000</b>	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306489067 ngày 15 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam 2.400.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.

(ii) Trong kỳ Công ty đã mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.000.000 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của công ty này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

*Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Văn phòng Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam</b>		
Bán hàng hóa	9.777.493.251	9.978.429.782
Cho thuê mặt bằng kho	279.729.892	266.181.816
<b>Công ty cổ phần Khải Huy Quân</b>		
Góp vốn đầu tư dự án	6.800.0000.000	-

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>70.209.985</b>	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	70.209.985	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>11.729.658.598</b>	<b>86.243.930.884</b>
Arsen International (HK), Ltd	-	55.158.876.470
Ye-steel Trading Co., Ltd	-	17.257.412.913
Công ty cổ phần sản xuất - xuất nhập khẩu lâm sản và hàng tiêu thụ công nghiệp (UPEXIM)	1.105.440.000	1.105.440.000
Beryls Chocolate	1.072.067.807	-
Future Materials Industry (HK) Co., Ltd	3.280.109.175	-
Smart Timing Steel., Ltd	5.636.390.956	-
Các khách hàng khác	635.650.660	12.722.201.501
<b>Cộng</b>	<b>11.799.868.583</b>	<b>86.243.930.884</b>

Văn phòng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước của bên liên quan</b>	<b>330.000.000</b>	-
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	330.000.000	-
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>17.060.813.811</b>	<b>16.017.101.000</b>
Ông Lê Hữu Trung	3.320.100.000	3.320.100.000
Ông Nguyễn Minh Viễn	2.347.191.000	2.347.191.000
Bà Trần Ngọc Linh	2.529.030.000	2.529.030.000
Các khách hàng khác	8.864.492.811	7.820.780.000
<b>Cộng</b>	<b>17.390.813.811</b>	<b>16.017.101.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	29.299.436.567	(29.299.436.567)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	146.816.494	(146.816.494)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	638.641.315	(692.109.653)	-	53.468.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.661.664.954	-	6.459.085.518	(6.165.614.796)	2.955.135.676	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.246.011	-	1.692.880.924	(1.492.227.448)	214.899.487	-
Tiền thuế đất	-	-	1.489.967.428	(1.489.967.428)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.675.910.965</b>	<b>-</b>	<b>39.730.828.246</b>	<b>(39.290.172.386)</b>	<b>3.170.035.163</b>	<b>53.468.338</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Văn phòng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Văn phòng Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.659.909.578	20.508.749.991
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(858.832.835)
- Điều chỉnh giảm do chuyển lợi nhuận của Trung tâm kinh doanh sắt thép về Văn phòng Công ty	(1.300.429.949)	(877.122.097)
Thu nhập chịu thuế	29.359.479.629	18.772.795.059
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>6.459.085.518</b>	<b>4.130.014.913</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Văn phòng Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## **Tiền thuê đất**

Văn phòng Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế.

## **Các loại thuế khác**

Văn phòng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## **14. Phải trả người lao động**

Tổng quỹ lương được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương là 25% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 01 tháng 4 năm 2015.

## **15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	979.844.306	1.112.199.526
Chi phí xây dựng	434.600.001	29.164.450.611
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	175.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.414.444.307</u></b>	<b><u>30.451.650.137</u></b>

## **16. Phải trả khác**

### **16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	128.640.000	173.940.000
Cổ tức phải trả	8.010.000	8.010.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	150.000.000	153.536.800
<b>Cộng</b>	<b><u>286.650.000</u></b>	<b><u>335.486.800</u></b>

### **16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam		
Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000
Các đối tượng khác - Nhận ký quỹ dài hạn	4.889.750.000	4.864.910.000
<b>Cộng</b>	<b><u>42.889.750.000</u></b>	<b><u>42.864.910.000</u></b>

### **16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Văn phòng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	579.448.773.864	579.448.773.864	568.697.787.758	568.697.787.758
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình <sup>(i)</sup>	96.657.066.755	96.657.066.755	59.611.905.669	59.611.905.669
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	186.490.014.172	186.490.014.172	196.112.753.960	196.112.753.960
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam <sup>(iii)</sup>	174.563.969.550	174.563.969.550	146.166.792.485	146.166.792.485
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt <sup>(iv)</sup>	36.575.978.387	36.575.978.387	54.228.525.079	54.228.525.079
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iv)</sup>	42.656.432.000	42.656.432.000	53.202.786.969	53.202.786.969
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	32.505.313.000	32.505.313.000	49.375.023.596	49.375.023.596
Vay ngắn hạn các cá nhân khác <sup>(v)</sup>	3.861.000.000	3.861.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	7.000.000.000	7.000.000.000	6.800.000.000	6.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>590.309.773.864</b>	<b>590.309.773.864</b>	<b>581.122.787.758</b>	<b>581.122.787.758</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế và không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,625%/tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	16.544.000.000	16.544.000.000
Các cổ đông khác	63.456.000.000	63.456.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>	<b><u>80.000.000.000</u></b>

**19c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(264)	(264)
- Cổ phiếu phổ thông	(264)	(264)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu phổ thông	7.999.736	7.999.736
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Văn phòng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 28 tháng 3 năm 2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.999.736.000 VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	3.827.195.726 VND
• Trích quỹ tham gia công tác xã hội	299.978.000 VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.592.634.871 VND
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.148.158.718 VND
<b>Cộng</b>	<b><u>17.867.703.315 VND</u></b>

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Văn phòng Công ty bao gồm 1.539,93 USD (số đầu năm là 1.563,24 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	651.510.585.672	632.697.783.064
Doanh thu bán thành phẩm	314.784.185.873	56.763.013.468
Doanh thu kinh doanh bất động sản	16.664.882.065	8.097.093.617
<b>Cộng</b>	<b>982.959.653.610</b>	<b>697.557.890.149</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.10, Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

**2. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	607.114.269.423	591.325.070.873
Giá vốn của thành phẩm đã bán	300.371.519.120	53.908.283.116
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	5.270.145.793	2.133.651.636
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	539.982.964	(890.957.436)
<b>Cộng</b>	<b>913.295.917.300</b>	<b>646.476.048.189</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	158.949.905	160.445.773
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.897.391	32.468.706
Thu từ hoạt động góp vốn	4.161.796.120	2.896.423.727
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.507.133	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	632.393	-
Lãi chậm thanh toán	171.648.251	21.837.636
<b>Cộng</b>	<b>4.543.431.193</b>	<b>3.111.175.842</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.897.584.742	17.134.182.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	215.643.790	36.061.940
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	273.887.291
Chi phí tài chính khác	3.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.116.628.532</b>	<b>17.444.131.606</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.554.969.625	1.159.642.600
Chi phí vật liệu, bao bì	68.773.116	114.445.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	799.231.353	550.800.962
Chi phí điện	1.793.673.425	1.264.724.059
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	3.029.415.481	3.056.106.810
Chi phí thuê kho, bảo trì	1.995.899.014	1.675.530.969
Chi phí điện	694.616.445	1.343.163.629
<b>Cộng</b>	<b>9.936.578.459</b>	<b>9.164.414.378</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.325.224.038	5.191.864.865
Chi phí vật liệu, bao bì	186.346.394	192.943.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	431.394.966	955.907.704
Thuế, phí và lệ phí	66.312.182	-
Dự phòng / Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(13.980.000)	177.929.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.633.418	210.101.912
Các chi phí khác	1.113.195.866	695.171.302
<b>Cộng</b>	<b>10.252.126.864</b>	<b>7.423.919.094</b>

**7. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.155.351.825	138.108.733.138
Chi phí nhân công	9.880.193.663	6.351.507.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.238.750.296	2.798.211.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.247.946.730	8.728.335.634
Chi phí khác	3.573.482.111	1.990.030.874
<b>Cộng</b>	<b>180.095.724.625</b>	<b>157.976.818.531</b>

33004  
CÔN  
CH NH  
M TOÁN  
A  
NH-T.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	32.409.113.090	32.753.339.344
Trên 01 năm đến 05 năm	108.372.716.364	113.484.630.044
Trên 05 năm	259.519.090.909	265.880.353.909
<b>Cộng</b>	<b><u>400.300.920.363</u></b>	<b><u>412.118.323.297</u></b>

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Văn phòng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Văn phòng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Văn phòng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	3.944.001.000	1.905.950.000
Phụ cấp	446.609.600	598.563.200
<b>Cộng</b>	<b><u>4.390.610.000</u></b>	<b><u>2.504.513.200</u></b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Văn phòng Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên	Cổ đông nắm giữ 20,68% vốn điều lệ và có đại diện là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty
Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Khải Huy Quân	Công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.10, Văn phòng Công ty chỉ phát sinh với Tổng Công ty thương mại Sài Gòn TNHH một thành viên như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Mua hàng hóa	18.397.705.923	-
Mua dịch vụ	10.000.000	10.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.11 và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**3. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

*Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại, dịch vụ: mua bán sắt thép, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, mặt bằng.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

*Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Văn phòng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Văn phòng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	<b>Số liệu</b>	<b>Phân loại lại</b>	<b>Số liệu</b>
	<b>trước trình bày lại</b>		<b>trình bày lại</b>
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>			
Đầu tư ngắn hạn	30.600.000.000	(30.600.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.237.135.248	31.306.486.085	34.543.621.333
Tài sản ngắn hạn khác	706.486.085	(706.486.085)	-
Phải thu dài hạn khác	90.000.000.000	25.000.000	90.025.000.000
Tài sản dài hạn khác	25.000.000	(25.000.000)	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Văn phòng Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Văn phòng Công ty.

Văn phòng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Văn phòng Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Văn phòng Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và được lập dự phòng</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.193.897.358	-	-	32.193.897.358
Phải thu khách hàng	112.628.695.213	1.065.574.400	1.647.811.749	115.342.081.362
Các khoản phải thu khác	22.198.710.730	-	-	22.198.710.730
<b>Cộng</b>	<b>167.021.303.301</b>	<b>1.065.574.400</b>	<b>1.647.811.749</b>	<b>169.734.689.450</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.852.241.536	-	-	56.852.241.536
Phải thu khách hàng	127.465.148.818	1.065.574.400	1.647.811.749	130.178.534.967
Các khoản phải thu khác	34.532.621.333	-	-	34.532.621.333
<b>Cộng</b>	<b>218.850.011.687</b>	<b>1.065.574.400</b>	<b>1.647.811.749</b>	<b>221.563.397.836</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

## VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là quá hạn trên 02 năm đến 03 năm.

### 5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Văn phòng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Văn phòng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	590.309.773.864	36.500.000.000	-	626.809.773.864
Phải trả người bán	11.799.868.583	-	-	11.799.868.583
Các khoản phải trả khác	1.701.094.307	3.692.750.000	39.197.000.000	44.590.844.307
<b>Cộng</b>	<b>603.810.736.754</b>	<b>40.192.750.000</b>	<b>39.197.000.000</b>	<b>683.200.486.754</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	581.122.787.758	27.963.550.000	-	609.086.337.758
Phải trả người bán	86.243.930.884	-	-	86.243.930.884
Các khoản phải trả khác	31.529.736.937	2.925.310.000	39.197.000.000	73.652.046.937
<b>Cộng</b>	<b>698.896.455.579</b>	<b>30.888.860.000</b>	<b>39.197.000.000</b>	<b>768.982.315.579</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Văn phòng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Văn phòng Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty nhập khẩu hàng hóa/nguyên vật liệu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Văn phòng Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.539,93	1.563,24
Phải trả người bán	(457.644,16)	(1.316.780,00)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc USD</b>	<b>(456.104,23)</b>	<b>(1.315.216,76)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Văn phòng Công ty là không đáng kể.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Văn phòng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Văn phòng Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 626.809.773.864 VND (số đầu năm là 609.086.337.758 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Văn phòng Công ty sẽ giảm/tăng 9.778.232.472 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 7.351.216.384 VND).

*Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Văn phòng Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Văn phòng Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**5d. Tài sản đảm bảo**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Văn phòng Công ty thế chấp tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 0 VND (số đầu năm là 3.700.000.000 VND).

*Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Văn phòng Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.193.897.358	-	56.852.241.536	-	32.193.897.358	56.852.241.536
Phải thu khách hàng	115.342.081.362	(1.633.831.749)	130.178.534.967	(1.647.811.749)	113.708.249.613	128.530.723.218
Các khoản phải thu khác	22.198.710.730	-	34.532.621.333	-	22.198.710.730	34.532.621.333
<b>Cộng</b>	<b>169.734.689.450</b>	<b>(1.633.831.749)</b>	<b>221.563.397.836</b>	<b>(1.647.811.749)</b>	<b>168.100.857.701</b>	<b>219.915.586.087</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	626.809.773.864	609.086.337.758	626.809.773.864	609.086.337.758
Phải trả người bán	11.799.868.583	86.243.930.884	11.799.868.583	86.243.930.884
Các khoản phải trả khác	44.590.844.307	73.652.046.937	44.590.844.307	73.652.046.937
<b>Cộng</b>	<b>683.200.486.754</b>	<b>768.982.315.579</b>	<b>683.200.486.754</b>	<b>768.982.315.579</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Văn phòng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay, các khoản phải thu khác và phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản vay và phải trả dài hạn khác tương đương giá trị ghi sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu không đáng kể.

1987  
G T Y  
M H U  
V A T U  
C  
P H O

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

**7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM**  
**VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.483.300)	70.747.064.522	53.824.386.906	259.755.081.765
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	16.164.026.869	16.164.026.869
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	3.449.342.869	(8.623.357.173)	(5.174.014.304)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	(7.999.749.000)	(7.999.749.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ trước	-	-	-	-	(249.510.000)	(249.510.000)
Lợi nhuận từ Trung tâm kinh doanh sắt thép chuyển về Văn phòng Công ty	-	-	-	-	(618.738.239)	(618.738.239)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>55.186.113.637</b>	<b>(2.483.300)</b>	<b>74.196.407.391</b>	<b>52.497.059.363</b>	<b>261.877.097.091</b>
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	55.186.113.637	(2.821.300)	74.196.407.391	70.112.454.428	279.492.154.156
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	24.200.824.060	24.200.824.060
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	3.827.195.726	(9.567.989.315)	(5.740.793.589)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(7.999.736.000)	(7.999.736.000)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ này	-	-	-	-	(299.978.000)	(299.978.000)
Lợi nhuận từ Trung tâm kinh doanh sắt thép chuyển về Văn phòng Công ty	-	-	-	-	(5.308.404.392)	(5.308.404.392)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>55.186.113.637</b>	<b>(2.821.300)</b>	<b>78.023.603.117</b>	<b>71.137.170.781</b>	<b>284.344.066.235</b>

Đơn vị tính: VND

*(Signature)*

Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập biểu

*(Signature)*

Hà Hạnh Hoa  
 Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

Ngô Hữu Hoàn  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

Kỳ này	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	966.294.771.545	16.664.882.065	-	982.959.653.610
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>966.294.771.545</b>	<b>16.664.882.065</b>	-	<b>982.959.653.610</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	39.483.930.906	9.991.100.081	-	49.475.030.987
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	49.475.030.987
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	4.543.431.193
Chi phí tài chính	-	-	-	(23.116.628.532)
Thu nhập khác	-	-	-	6.478.912
Chi phí khác	-	-	-	(248.402.982)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(6.459.085.518)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>39.483.930.906</b>	<b>9.991.100.081</b>	<b>-</b>	<b>49.475.030.987</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.318.554.619</b>	<b>2.052.178.250</b>	<b>-</b>	<b>5.370.732.869</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>526.002.964</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>526.002.964</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	689.460.796.532	8.097.093.617	-	697.557.890.149
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>689.460.796.532</b>	<b>8.097.093.617</b>	-	<b>697.557.890.149</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31.014.675.093	3.478.833.395	-	34.493.508.488
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	34.493.508.488
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	3.111.175.842
Chi phí tài chính	-	-	-	(17.444.131.606)
Thu nhập khác	-	-	-	349.751.466
Chi phí khác	-	-	-	(1.554.199)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(4.130.014.913)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(214.708.209)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.737.729.545</b>	<b>10.203.366.499</b>	-	<b>12.941.096.044</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.787.602.110</b>	<b>1.309.089.422</b>	-	<b>3.096.691.532</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>177.929.525</b>	-	-	<b>177.929.525</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM  
VĂN PHÒNG CÔNG TY**

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Văn phòng Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	671.443.927.307	139.495.812.400	-	810.939.739.707
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				186.398.897.358
<b>Tổng tài sản</b>				<b>997.338.637.065</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	603.429.534.580	101.672.966.026	-	705.102.500.606
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.892.070.224
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>712.994.570.830</b>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	757.072.086.442	139.722.048.964	-	896.794.135.406
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				179.852.241.536
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.076.646.376.942</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	669.762.101.337	122.205.259.958	-	791.967.361.295
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				5.186.861.491
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>797.154.222.786</b>



Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2015

*(Handwritten signature)*

Hà Hạnh Hoa  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền  
Người lần biểu

Ngô Hữu Hoàn  
Tổng Giám đốc